

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HS - ST

Ngày: 30-12- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Độ

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2021/TLST- HS ngày 22 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 tại xã Nhữ Kh, huyện Y S, tỉnh TuY Quang; nơi đăng ký HKTT: Cụm 3, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1; có chồng và 03 con (Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không; danh bản, chỉ bản số 232 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 23/6/2021; bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến nay. Có mặt.

*** Bị hại**

Anh Thiều Văn Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 11, xã Trung Ch, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Cụm 1, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Cụm 9, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Việt Th1, sinh năm 1982; có mặt.

Chị Trần Thị H2, sinh năm 1987; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Cụm 9, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Anh Phạm Quang L1, sinh năm 1971; địa chỉ: Cụm 3, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

* Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Phương Th2, sinh năm 2000; địa chỉ: Cụm 1, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1985; địa chỉ: Cụm 1, xã Hạ M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Cụm 9, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1991; địa chỉ: Cụm 8, xã Th3 A, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Anh Nguyễn Tiến Y, sinh năm 1981; địa chỉ: Cụm 9, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/8/2019, anh Phạm Quang L1 và vợ là Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng thửa đất số 415, tờ bản đồ số 6, diện tích 100m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Tiên T, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội của bà Ngô Thị Bích H4 (cùng chồng); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO976615, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-02496 do UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 11/11/2013 mang tên bà Ngô Bích Thị Huệ. Ngày 27/8/2019, thửa đất này được sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận là thửa đất số 539, tờ bản đồ số 36, diện tích 100m² mang tên Phạm Quang L1 cùng vợ Nguyễn Thị H.

Ngày 29/8/2019, Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị H5 ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng 50m² nằm trong thửa đất nêu trên với giá 7.500.000/m²; H nhận đặt cọc số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận cọc, H đã làm thủ tục tách thửa cho chị Nguyễn Thị H5. Ngày 20/9/2019, Văn phòng đăng ký đất đai có Công văn số 1183 đồng ý với việc tách thửa và đề nghị các bên đi làm hợp đồng chuyển nhượng. Khi H yêu cầu làm hợp đồng thì chị H5 không đồng ý do chị H5 biết thửa đất trên đang tranh chấp đường đi. Chị H5 yêu cầu H trả lại tiền đặt cọc, H đồng ý nhưng do chưa có tiền nên vẫn chưa có khả năng trả lại tiền đặt cọc cho chị H5.

Ngày 04/9/2019, H thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên tại Ngân hàng kỹ thương Việt Nam (Teckcombank) – Chi nhánh Đan Phượng nếu H5 đồng ý làm

hợp đồng chuyển nhượng thì H sẽ lấy tiền chuyển nhượng để giải chấp, làm thủ tục chuyển nhượng cho chị H5. Do H mua 10 cây vàng của bà Nguyễn Thị Th3 để kinh doanh nhưng thua lỗ nên tháng 6/2020 H không có tiền trả bà Th3. H thỏa thuận với bà Th3 bán lại thửa đất trên cho bà Th3 để trả khoản nợ mua vàng, bà Th3 trả toàn bộ tiền H còn nợ Ngân hàng và giải chấp thửa đất. Ngày 19/6/2020, H và anh L1 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 539, tờ bản đồ số 36, diện tích 100m² cho bà Thọ. Ngày 27/7/2020, thửa đất này được sang tên cho bà Nguyễn Thị Th3 và ông Nguyễn Văn Hồng. Bà Th3 hứa sẽ cho H mua lại mảnh đất với lãi suất của ngân hàng.

Đến tháng 8/2020, bà Th3 cần tiền kinh doanh đã thông báo cho H biết sẽ bán thửa đất trên. Do H không có tiền để mua lại nên bà Th3 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Đ với giá 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), việc mua bán được lập thành hợp đồng viết tay. Bà Th3 thông tin cho H biết và H đã liên hệ với bà Đ hứa mua lại mảnh đất này. Tuy nhiên, H chưa hề đặt cọc hay liên hệ với bà Đ để thực hiện việc mua lại mảnh đất. Bà Đ có đến nhà H để hỏi việc mua bán đất nhưng do không có tiền nên H chỉ hứa mua chứ không có hành động nào để thực hiện việc mua bán này.

Ngày 03/11/2020, vợ chồng bà Đ chuyển nhượng lại thửa đất này cho anh Nguyễn Việt Th1 và vợ chị Trần Thị H2. Do giữa bà Đ và bà Th3 không làm thủ tục chuyển nhượng sang tên, việc mua bán chỉ là giấy tờ viết tay nên hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa bà Th3 (cùng chồng bà Th3) và vợ chồng anh Th1, chị H2. Ngày 10/11/2020, toàn bộ thửa đất số 539, tờ bản đồ số 36 được đăng ký biến động sang tên Nguyễn Việt Th1 và vợ chị Trần Thị H2. Sau khi nhận chuyển nhượng, không có ai liên lạc mua đất và anh Th1 cũng không có ý định chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên cho bất kỳ ai.

Ngày 18/11/2020, do H cảnh kinh tế khó khăn nên khi có người đưa anh Thiều Văn Th đến nhà với ý định muốn mua 50m² đất nằm trong thửa đất 539, tờ bản đồ số 36 mà H đã chuyển nhượng cho bà Th3 thì H đã nảy sinh ý định nhận tiền đặt cọc của anh Th. Mặc dù thửa đất không phải là của mình nhưng H vẫn nhận thửa đất nêu trên là của mình, cho Th xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên mang tên mình qua ảnh trên điện thoại với lý do đang thế chấp tại ngân hàng nên không có giấy tờ gốc. H và Th thỏa thuận chuyển nhượng 50m² đất với giá 11.000.000 đồng/1m², đặt cọc trước 100.000.000 đồng. H nhận tiền cọc và hứa sau 01 tháng làm thủ tục chuyển nhượng cho Th. H sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ, tiêu sài cá nhân. Khi quá thời hạn đã thỏa thuận H liên tục tìm lý do để trì hoãn việc anh Th tìm hỏi về thủ tục chuyển nhượng đất trên.

Ngày 02/02/2021 (tức ngày 21 tết Tân Sửu), do khó khăn về kinh tế nên H tiếp tục nảy sinh ý định lừa bán thửa đất trên để chiếm đoạt tiền đặt cọc sử dụng cho mục đích cá nhân. Do từng giao dịch mua bán đất với chị Nguyễn Thị H1, biết chị H1 là người kinh doanh về đất, H gọi điện cho H1 để nói có mảnh đất 100m² ở thôn Tiên Tân muốn bán, đã bán 50m² cho người khác, còn 50m² H bán với giá 10.000.000 đồng/1m². H1 đồng ý mua, H đến nhà H1 làm thủ tục đặt cọc. H nói

cho chị H1 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang để ở Ủy ban để tách thửa nên cho chị H1 xem qua ảnh trên điện thoại. H nhờ Nguyễn Thị Phương Th2 là con gái chị H1 viết giấy đặt cọc, yêu cầu chị H1 đặt cọc từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do tin H nên chị H1 đặt cọc cho H 50.000.000 đồng và thống nhất đến ngày 19/02/2021 sẽ H tất thủ tục sang tên cho chị H1. Số tiền này, H sử dụng để trả nợ, tiêu sài cá nhân. Đến ngày 19/02/2021, H lấy lý do dịch bệnh nên không làm được thủ tục. Sau đó, chị H1 biết H đã bán mảnh đất trên cho người khác đã hỏi H thì H vẫn nhận đó là đất của mình và sẽ bán cho chị H1; chị H1 không đồng ý và yêu cầu H trả lại tiền đặt cọc.

Ngày 06/02/2021 (tức ngày 25 tết Tân Sửu), do bị các chủ nợ đòi liên tiếp nên khi biết chị Nguyễn Thị L có nhu cầu mua đất nên H đã sử dụng thủ đoạn tương tự như trên để chiếm đoạt tiền đặt cọc. H chủ động liên lạc và dẫn chị L đi xem thửa đất trên rồi thỏa thuận sẽ bán cho chị L 50m² đất với giá 10.000.000 đồng/1m². Do L không biết chữ nên chị L dẫn H đến nhà chị gái là bà Nguyễn Thị Ch nhờ anh Nguyễn Văn H3 (con trai bà Ch) viết hợp đồng đặt cọc với giá đất như đã thỏa thuận, H cho xem hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua hình ảnh trên điện thoại mang tên H và chồng, hứa sẽ làm thủ tục chuyển nhượng vào ngày mùng 7 tết. Sau khi nhận được tiền cọc 50.000.000 đồng H sử dụng để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Do H không trả lại tiền cho anh Thiệu Văn Th, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị L nên ngày 28/2/2021 chị L, ngày 16/4/2021 chị H1, ngày 26/4/2021 anh Th làm đơn tố cáo Nguyễn Thị H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 04 bản gốc hợp đồng đặt cọc giữa H với Nguyễn Thị H5, Thiệu Văn Th, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L đã được đánh dấu Bút lục lưu trong hồ sơ vụ án.

Ngày 06/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng tiến hành trưng cầu giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị H trong các hợp đồng đặt cọc giữa H với Th, H1, L.

Tại Kết luận giám định số 4331/KLGD- PC09-Đ3 ngày 01/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký và chữ viết dòng họ và tên “Nguyễn Thị H” dưới chữ ký trong các hợp đồng đặt cọc là do Nguyễn Thị H ký và viết họ tên.

Ngày 13/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng trưng cầu giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội giám định chữ viết chữ ký của Th, H1, L, TH2 trong hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Thị H với Th, H1, L.

Tại Kết luận giám định số 6632/ KLGD- PC09-Đ3 ngày 05/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “Th” chữ viết dòng họ tên Thiệu Văn Th (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ ký dạng chữ viết Th chữ viết họ tên Thiệu Văn Th trên các mẫu so sánh là chữ

do Thiều Văn Th viết ra. Chữ ký dạng chữ viết “H1” chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị H1 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Phương Th2 trên các tài liệu (Ký hiệu M7 và M9) viết ra. Chữ ký dạng chữ viết “L” chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị L (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) với chữ ký dạng chữ viết L chữ viết họ tên Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh (ký hiệu M6) là do Nguyễn Thị L viết ra.

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Thị H mặc dù biết rõ mình không còn là chủ sử dụng thửa đất số 415, tờ bản đồ số 6 (đăng ký biến động là thửa số 539, tờ bản đồ số 36), diện tích 100 m²; địa chỉ thửa đất: Tiên T, Hồng H, Đan Ph, Hà Nội nhưng vẫn nhận là đất của mình để chiếm lấy số tiền đặt cọc của người mua đất sử dụng chỉ tiêu cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 92/CT - VKS - ĐP ngày 15/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự

Ngày 19/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng tiến hành thụ lý vụ án số 93/2021/HSST. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Chứng cứ liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 415, tờ bản đồ số 6 (đăng ký biến động là thửa số 539, tờ bản đồ số 36), diện tích 100 m²; địa chỉ thửa đất: Tiên T, Hồng H, Đan Ph, Hà Nội; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO976615; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-02496. Ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2021/HSST- QĐ và yêu cầu điều tra bổ sung theo các nội dung sau: Lấy lời khai của anh Nguyễn Kim Qu liên quan đến việc ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên. Anh Nguyễn Quang L1 liên quan đến ký kết các hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc thửa đất nêu trên với anh Nguyễn Kim Qu, bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Th3 (hợp đồng treo). Thu thập các tài liệu gồm: Hồ sơ vay vốn, thế chấp thửa đất nêu trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây – Phòng giao dịch Đan Phượng; hợp đồng chuyển nhượng đất với anh Nguyễn Kim Qu và bà Th3, H lần thứ nhất. Điều tra, xác minh để làm rõ dấu hiệu đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Quang L1 cùng Nguyễn Thị H trong việc ký hợp đồng đặt cọc mảnh đất nêu trên đối với anh Thiều Văn Th, để xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 19/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng có Công văn số 542/CV-VKSĐP phúc đáp quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng với nội dung: Giữ nguyên nội dung cáo trạng số 92/CT - VKS - ĐP ngày 15/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; không bổ sung tài liệu gì thêm và chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng để đưa vụ án ra xét xử theo quy

định của pháp luật. Ngày 20/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng ra Thông báo số 01/TB-TA yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ chưa thu thập theo Quyết định số 02. Ngày 27/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng có Công văn số 27/CV-VKS.ĐP về việc bổ sung chứng cứ theo yêu cầu và giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng số 92.

Tại phiên tòa bị cáo H trình bày: Bị cáo xác nhận đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 415, tờ bản đồ số 6, diện tích 100m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Tiên T, xã Hồng H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội của bà Ngô Thị Bích H4 (cùng chồng bà H4). Ngày 27/8/2019, thửa đất này được sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận là thửa đất số 539, tờ bản đồ số 36, diện tích 100m² mang tên Phạm Quang L1 cùng vợ Nguyễn Thị H. Sau đó, bị cáo đã chuyển nhượng cho đất cho bà Th3, H và đến ngày 27/7/2020, thửa đất này được sang tên cho bà Th3 và ông H. Do bị cáo gặp khó khăn về tài chính, bị cáo biết rõ thửa đất này không thuộc quyền của mình nhưng bị cáo vẫn khẳng định là của mình. Bị cáo cho bị hại xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên máy điện thoại, nói đất thế chấp ở ngân hàng gây lòng tin và giao dịch chuyển nhượng đất với các bị hại. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền đặt cọc của anh Th 100.000.0000 đồng, chị H1 và chị L mỗi người 50.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo không có bàn bạc với ai. Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi Th khắc phục hậu quả. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Th1 trình bày: Anh nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất như bị cáo H trình bày nêu trên của bà Đ. Ngày 10/11/2020, thửa đất được đăng ký biên động số thửa 539, tờ bản đồ số 36 mang tên Nguyễn Việt Th1 và vợ chị Trần Thị H2. Từ đó đến nay, anh chưa liên lạc chuyển nhượng lại thửa đất này cho bất kỳ ai.

Anh L1 trình bày: Anh là chồng bị cáo H. Quá trình chung sống cùng nhau thì vợ chồng anh mỗi người làm một nghề, không quan tâm gì đến công việc của nhau. Anh được bị cáo bảo ký một số giấy tờ, anh nể bị cáo H đã ký nhưng không biết ký với nội dung gì. Sau khi, bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội thì anh là người khắc phục hậu quả. Nay anh không có yêu cầu gì về số tiền đã bồi Th thay cho bị cáo H.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng trình bày luận tội giữ nguY nội dung bản cáo trạng đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về dân sự không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án xảy ra trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện

Đan Phượng. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến thời điểm tòa án xét xử thì bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình thụ lý hồ sơ Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ điều tra bổ sung, yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu chứng cứ chưa thu thập. Sau đó, Viện kiểm sát đã thu thập chứng cứ và xác định vụ án không có dấu hiệu đồng phạm. Do vậy, vụ án được thụ lý xét xử phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp vật chứng vụ án, bản kết luận giám định, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do làm ăn thua lỗ dẫn đến không có tiền nên từ ngày 18/11/2020 đến ngày 06/02/2021 Nguyễn Thị H biết rõ thửa đất số 415, tờ bản đồ số 6 (đăng ký biến động là thửa số 539, tờ bản đồ số 36), diện tích 100m²; địa chỉ thửa đất: Tiên T, Hồng H, Đan Ph, Hà Nội; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO976615; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-02496 không thuộc quyền sở hữu của mình nhưng vẫn thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận tiền đặt cọc của anh Thiệu Văn Th, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị L. H đưa ra các thông tin gian dối (đất đang thế chấp tại ngân hàng, đất đang làm thủ tục tách thửa tại phòng đăng ký nhà đất), đưa hình ảnh giấy chứng nhận mang tên mình qua ảnh cho anh Th, chị H1, chị L và hứa sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho để chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Tại thời điểm phạm tội H có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi trên của H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu của công dân, gây mất trật tự trị an. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: H nhận tiền đặt cọc 3 lần của anh Th, chị H1, chị L; số tiền đặt cọc mỗi lần đều từ 50.000.000 đồng trở lên. Do vậy, H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; người phạm tội tác động đến gia đình khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có con bị bệnh tim là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Nguyễn Thị H làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị H5. Tại thời điểm này, thửa đất thuộc quyền quản lý của H. H và chị H5 không thể H tất thủ tục chuyển nhượng là do phát sinh mâu thuẫn giữa hai bên trong việc tranh chấp lối đi chung của thửa đất. Sau khi hủy giao dịch đặt cọc, H đã viết giấy nhận nợ với chị H5 80.000.000 đồng tiền đặt cọc và 13.000.000 đồng tiền lãi. Xác định đây là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng không xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn B, anh Hoàng Văn V, anh Nguyễn Tiến Y là người môi giới đất, được biết H có thửa đất nêu trên nên giới thiệu khách cho H. Anh B, anh V, anh Y không biết H đã bán mảnh đất trên cho người khác nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[6]. Trách nhiệm dân sự

Quá trình giải quyết vụ án, gia đình Nguyễn Thị H đã liên hệ với chị H5, anh Th, chị L, chị H1 để trả lại toàn bộ số tiền đã nhận đặt cọc. Chị H5, anh Th, chị L, chị H1 không có đề nghị, yêu cầu gì thêm và đều xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Anh L1 và bị cáo làm kinh tế riêng nhưng anh L1 đã bồi Th thay cho bị cáo và không có yêu cầu gì về khoản bồi Th này cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO của H được sử dụng để cho các bị hại xem ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị rơi mất sau tết nguyên đán năm 2021. H không biết điện thoại rơi ở đâu. Do vậy, cơ quan điều tra không xác minh được để làm rõ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND; CQTHA HS huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

